

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 221/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn T - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn S, xã T.L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Trịnh Thị N. - sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn S, xã T.L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Văn N - Sinh năm 1954.

Và bà Trịnh Thị T - sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã T.L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn anh Trịnh Văn T. và bị đơn chị Trịnh Thị N...

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Anh Trịnh Văn T.. và chị Trịnh Thị N... xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Trịnh Văn T.. và chị Trịnh Thị N.. thống nhất vợ chồng có 03 con chung, cháu đầu tên là Trịnh Tuấn A., sinh ngày 13/5/2008, cháu thứ hai là Trịnh Hồng Q..., sinh ngày 28/6/2011, cháu thứ ba tên là Trịnh Đức M..., sinh ngày 26/10/2013. Hiện nay, cháu Tuấn A.. đang ở với anh T..., còn cháu Q.. và cháu M.. đang ở với chị N...

Ly hôn, anh T..., chị N.. thống nhất giao cháu Tuấn A... cho anh T.. chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Q... và cháu M... cho chị N... chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T... có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu M.. và cháu Q... mỗi tháng 1.500.000đ/tháng/2 cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu Q.. và cháu M.. đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Văn T., chị Trịnh Thị N... được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh Trịnh Văn T.. và chị Trịnh Thị N.. xác định vợ chồng có một số tài sản chung nhưng chị N... đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên chị N... và anh T... không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Anh Trịnh Văn T... và chị Trịnh Thị N... không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Trịnh Văn T.. và chị Trịnh Thị N... thống nhất, thỏa thuận anh Trịnh Văn T.. chịu trách nhiệm nộp 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh T... đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0005356 ngày 13/12/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hậu Lộc. Anh T... đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con. Trả lại số tiền 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chia tài sản chung chị N... đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005472 ngày 10/4/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hậu Lộc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- UBND xã Tiến Lộc;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Nam Văn